

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN THÔNG SMARTFLOW VIỆT NAM

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN THÔNG SMARTFLOW VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SMARTFLOW VIET NAM TECHNOLOGY AND MEDIA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SMARTFLOW . , JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109690954

3. Ngày thành lập: 01/07/2021

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 27 ngõ 374 đường Âu Cơ, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02466 586 366

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                             | 3312        |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                    | 4651        |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                     | 4652        |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động môi giới bảo hiểm, chứng khoán; trừ hoạt động đấu giá)                                                                                | 4610        |
| 5.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                 | 4741        |
| 6.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                              | 4742        |
| 7.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                               | 4761        |
| 8.  | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                             | 4762        |
| 9.  | Xuất bản phần mềm<br>(trừ xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                               | 5820(Chính) |
| 10. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Không thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất phim video | 5911        |

|     |                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(trừ hoạt động phát hành chương trình truyền hình)                                                  | 5913 |
| 12. | Hoạt động chiếu phim                                                                                                                                                             | 5914 |
| 13. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc                                                                                                                                             | 5920 |
| 14. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                            | 6201 |
| 15. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                              | 6202 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                  | 6209 |
| 17. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                               | 6311 |
| 18. | Công thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                        | 6312 |
| 19. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; | 6399 |
| 20. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ hoạt động tư vấn kế toán, pháp luật, tài chính)                                                                                                 | 7020 |
| 21. | Quảng cáo<br>(trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                            | 7310 |
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                         | 7320 |
| 23. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                     | 7211 |
| 24. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                        | 7212 |
| 25. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                      | 7213 |
| 26. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                  | 7214 |
| 27. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                   | 7410 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br/>(trừ hoạt động Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, Tư vấn chứng khoán)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động phiên dịch</li> <li>- Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ;</li> <li>- Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản;</li> <li>- Hoạt động đánh giá trừ bất động sản và bảo hiểm (cho đồ cổ, đồ trang sức...);</li> <li>- Tư vấn về nông học;</li> <li>- Tư vấn về môi trường;</li> <li>- Tư vấn về công nghệ khác;</li> <li>- Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý.</li> <li>- Tư vấn về công nghệ khác, Tư vấn chuyển giao công nghệ, Xúc tiến chuyển giao công nghệ</li> </ul> | 7490 |
| 29. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8230 |
| 30. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br/>(trừ hoạt động đấu giá)</p> <p>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                  | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>HOÀNG<br>NHẬT    | 237 Hoàng Văn<br>Thụ, Phường Trần<br>Hưng Đạo, Thành<br>phố Nam Định,<br>Tỉnh Nam Định,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 60.000        | 600.000.000              | 30,000       | 0360860021<br>41                                                                                                       |            |
|     |                            |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                                     | Tổng số                            | 60.000        | 600.000.000              | 30,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>NGỌC TUẤN<br>ANH | Thôn Đá Chông,<br>Xã Đại Đồng,<br>Huyện Yên Bình,<br>Tỉnh Yên Bái,<br>Việt Nam                      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 80.000        | 800.000.000              | 40,000       | 061048087                                                                                                              |            |
|     |                            |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                                     | Tổng số                            | 80.000        | 800.000.000              | 40,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                    |                                                                                                                                    |                                    |        |             |        |                  |
|---|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | TRẦN THỊ LÊ<br>NGA | P1810 ĐN1TN<br>HanoiCenterpoint,<br>27 Lê Văn Lương,<br>Phường Nhân<br>Chính, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 60.000 | 600.000.000 | 30,000 | 0191790007<br>34 |
|   |                    |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                                                    | Tổng số                            | 60.000 | 600.000.000 | 30,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC TUẤN ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/03/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 061048087

Ngày cấp: 15/11/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Yên Bái

Địa chỉ thường trú: Thôn Đá Chông, Xã Đại Đồng, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đá Chông, Xã Đại Đồng, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội